

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN THỊ NUÔI**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN THỊ NUÔI

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Hồng Phượng	Hiệu trưởng, chủ tịch hội đồng, trưởng nhóm	Nhóm trưởng	
2	Đỗ Minh Khoa	Phó hiệu trưởng, phó chủ tịch hội đồng, trưởng nhóm	Nhóm trưởng	
3	Nguyễn Thị Ngọc Sương	Phó hiệu trưởng, phó chủ tịch hội đồng, trưởng nhóm	Nhóm trưởng	
4	Ngô Quang Bình	Giáo viên, thư ký	Thành viên	
5	Trần Hoàng Wi Thanh Định	Giáo viên, thư ký	Thành viên	
6	Lữ Thị Ngọc Hân	Giáo viên, thư ký	Thành viên	
7	Nguyễn Thị Thắm	Giáo viên, thư ký	Thành viên	
8	Hoàng Ngọc Như Thủy	Giáo viên, trưởng nhóm	Nhóm trưởng	

9	Lê Thị Ngọc Trâm	Giáo viên, trưởng nhóm	Nhóm trưởng	
10	Vũ Khánh Đình	Giáo viên	Thành viên	
11	Trần Hoàng Wi Thành Định	Nhân viên	Thành viên	
12	Nguyễn Duy Khánh	Giáo viên	Thành viên	
13	Nguyễn Hoàng Linh Phương	Giáo viên	Thành viên	
14	Lữ Thị Lệ Thắm	Giáo viên	Thành viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	21
Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học.	24
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	25
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	27
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	29
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	31
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	33
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	35
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.	37
Mở đầu	37
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	37
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	39
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	41
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.	44
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	46
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.	46

Mở đầu	47
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập.	47
Tiêu chí 3.2: Phòng học.	49
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị.	51
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	53
Tiêu chí 3.5: Thiết bị.	54
Tiêu chí 3.6: Thư viện.	57
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	58
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.	59
Mở đầu	59
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.	60
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	62
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	64
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.	65
Mở đầu	65
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường.	65
Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.	67
Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác.	70
Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học.	72
Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục.	74
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	76
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	77
Phần IV. PHỤ LỤC	1

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nội dung
BGH	Ban giám hiệu
CBCC	Cán bộ công chức
CBGV	Cán bộ giáo viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CGQ	Chuẩn quốc gia
CNTT	Công nghệ thông tin
CSVC	Cơ sở vật chất
ĐGN	Đánh giá ngoài
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDCD	Giáo dục công dân
GDTX-DN	Giáo dục thường xuyên dạy nghề
GDTrH	Giáo dục trung học
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
GVDG	Giáo viên dạy giỏi
HK	Học kì
HS	Học sinh
HSG	Học sinh giỏi
HT	Hiệu trưởng
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KTXH	Kinh tế xã hội
KH	Kế hoạch
KHTN	Khoa học tự nhiên
KHXH	Khoa học xã hội
LLCT	Lý luận chính trị
NGLL	Ngoài giờ lên lớp
PT	Phổ thông
PHT	Phó Hiệu trưởng
QĐ	Quyết định
TĐG	Tự đánh giá
TNCSHCM	thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X	X	

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Đạt mức 1

2. Kết luận: Đạt mức 1

Phần I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN THỊ NUÔI

Tên trước đây: TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN THỊ NUÔI

Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Hồng Phụng
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Hóc Môn	Điện thoại	0987050402
Xã / phường/thị trấn	Xã Thới Tam Thôn	Fax	
Đạt CQG		Website	https://thnguyenthinuoi.hcm.edu.vn/
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	01/08/2014	Số điểm trường	01
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Khối lớp 1	8	8	10	11	8
Khối lớp 2	8	8	8	10	11
Khối lớp 3	8	8	8	8	10

Số lớp học	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Khối lớp 4	10	10	8	8	8
Khối lớp 5	10	10	10	8	8
Cộng	44	44	44	45	45

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	46	46	46	46	46	
1	Phòng học	35	35	35	35	35	
a	Phòng kiên cố	35	35	35	35	35	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	8	8	8	8	8	
a	Phòng kiên cố	8	8	8	8	8	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	3	3	3	3	3	
a	Phòng kiên cố	3	3	3	3	3	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	5	5	5	5	5	
1	Phòng kiên cố	5	5	5	5	5	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	62	62	62	62	62	
	Cộng	114	114	114	114	114	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	2	1	0	0	2	0	
Giáo viên	62	58	0	2	60	0	
Nhân viên	9	5	0	0	9	0	
Cộng	74	64	0	2	72	0	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1	Tổng số giáo viên	53	53	53	60	60
2	Tỷ lệ giáo viên/ lớp	1,34	1,34	1,2	1,33	1,22
3	Tỷ lệ giáo viên/ học sinh	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	0	7	0	5

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	5	0	3

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	2010	2010	2036	2036	1994	
	- Nữ	926	926	937	926	927	
	- Dân tộc thiểu số	49	49	0	0	0	
	- Khối lớp 1	387	387	494	479	318	
	- Khối lớp 2	371	371	386	487	467	
	- Khối lớp 3	327	327	373	391	479	
	- Khối lớp 4	468	468	323	360	379	
	- Khối lớp 5	457	457	460	319	351	
2	Tổng số tuyển mới	387	387	494	479	318	
3	Học 2 buổi/ngày	2010	2010	2036	2036	1994	
4	Bán trú	1894	1894	1934	1945	1770	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	45,68	45,68	46,27	45,24	44,31	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	2010	2010	2036	2036	1994	
	- Nữ	926	926	935	924	923	
	- Dân tộc thiểu số	49	49	48	47	37	

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/ tỉnh(nếu có)	0	0	0	0	0	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia(nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	0	0	0	0	0	
	- Nữ	0	0	0	0	0	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
11	Tổng số học sinh(trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
12	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100	100	100	100	100	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	99,6	99,5	99,8	99,8	0	
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100	100	100	100	0	
Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành	100	100	100	100	0	

Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
chương trình tiểu học						

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi được thành lập theo quyết định số 5708/QĐ-UBND ngày 01/8/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. Trường tọa lạc số 402 đường Tô Ký, ấp Tam Đông 1, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh; điện thoại số 08.62515933; địa chỉ trang tin điện tử: thnguyenthinuoi.hcm.edu.vn.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của các cấp lãnh đạo và chính quyền địa phương; sự phối hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ học sinh; đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường có trình độ chuyên môn cao, tâm huyết với nghề, luôn đoàn kết, nêu cao tinh thần trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy.

Cơ sở vật chất, thư viện, thiết bị giảng dạy và học tập của trường từng bước hiện đại hóa, bổ sung số lượng và chất lượng hằng năm đáp ứng nhu cầu giảng dạy của đơn vị.

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và đoàn thể trong trường như Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao nhi đồng hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò và chức năng của mình. Chi bộ trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi có 20 đảng viên, nhiều năm liên tục đạt chi bộ hoàn thành xuất nhiệm vụ. Công đoàn cơ sở trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi có 65 đoàn viên, Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi có 31 đoàn viên thanh niên. Các đoàn thể thực hiện tốt nhiệm vụ, hỗ trợ đắc lực cho mọi hoạt động của nhà trường. Học sinh chăm ngoan, có ý thức phấn đấu trong học tập và tham gia tích cực các phong trào các cấp.

Từ khi thành lập đến nay, trường luôn huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1. Số học sinh đạt thành tích cao các phong trào học tập năm sau đều cao hơn năm trước. Hiệu suất đào tạo lần đầu tiên của trường là 99,4%. Nhiều học sinh đạt giải cao trong hội thi, phong

trào, các hoạt động ngoại khóa như hội thi giải thưởng Lê Quý Đôn, hội thi Tiếng Anh trên internet, giải Toán trên internet, hội thi Hùng biện tiếng Anh, nét vẽ xanh cấp thành phố. Điển hình hai học sinh đạt Cúp Bạc trong hội thi Robot trẻ Quốc tế được tổ chức tại Hàn Quốc.

Ngoài việc giảng dạy văn hóa, nhà trường còn chú ý giáo dục học sinh phát triển toàn diện, việc giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm của học sinh được quan tâm đặc biệt thông qua những buổi học trên lớp, buổi sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt ngoại khóa,... góp phần tạo niềm tin nơi phụ huynh và tạo nền tảng vững chắc cho các em học tiếp các bậc học trên.

Với những nỗ lực của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong suốt 5 năm qua, nhà trường đã tạo được niềm tin, sự tín nhiệm của phụ huynh. Kết quả cho sự nỗ lực của cả tập thể, trong 5 năm qua đã đạt được các danh hiệu thi đua và thành tích khen thưởng như sau:

Nhận Cờ dẫn đầu phong trào Thi đua Thành phố năm học 2018 - 2019.

Nhận Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2017 – 2018.

Đơn vị đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc từ năm 2017 đến 2022.

Chi bộ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2015, 2017, 2018.

Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội đạt mạnh liên tục từ năm 2015 đến 2022.

2. Mục đích TĐG

Kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông nhằm giúp trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi xác định điểm mạnh, điểm yếu, mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục. Qua đó, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Trong những năm tiếp theo, xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục và giáo dục toàn diện, là cơ sở giáo dục hiện đại, tiên tiến thấm nhuần giá trị nhân văn, gìn giữ bản sắc dân tộc, phát triển phù hợp với xu thế chung của đất nước và thời đại.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Hội đồng tự đánh giá trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi được thành lập theo số 48/QĐ-NTN ngày 12 tháng 10 năm 2022.

Các thành viên Hội đồng tự đánh giá đã được triển khai đầy đủ về Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22 tháng 8 năm 2018; Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

Hội đồng tự đánh giá nhà trường gồm 14 thành viên đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tự đánh giá, đảm bảo đúng tiến độ.

Quá trình tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai.

Ngày 12 tháng 10 năm 2022, hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm có 14 thành viên. Nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá và làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất chung.

Từ ngày 05 tháng 12 năm 2022 đến ngày 28 tháng 12 năm 2022, căn cứ vào các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá, Chủ tịch hội đồng tự đánh giá phân công các nhóm tiến hành thu thập thông tin và minh chứng. Các thông tin, minh chứng được xử lý, phân tích dùng làm căn cứ, minh họa cho các nhận định trong báo cáo tự đánh giá của trường.

Ngày 28 tháng 1 năm 2023, họp Hội đồng tự đánh giá để thảo luận và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Trong tháng 2 năm 2023, nhà trường tiến hành viết báo cáo tự đánh giá.

Dự thảo báo cáo tự đánh giá được thông qua trong Hội đồng sư phạm vào ngày 25 tháng 3 năm 2022 và được tổ chức lấy ý kiến góp ý của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường.

Ngày 01 tháng 4 năm 2023, công bố báo cáo tự đánh giá sau khi đã hoàn thiện trong Hội đồng sư phạm nhà trường. Báo cáo tự đánh giá, các hồ sơ có liên quan và các minh chứng được lưu trữ trong một chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Trong 5 năm qua, nhà trường đã có nhiều giải pháp tối ưu trong việc tổ chức, quản lý các hoạt động giáo dục; xây dựng chiến lược phát triển nhà trường. Trường thành lập đầy đủ các hội đồng như: Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua khen thưởng, Hội đồng khoa học. Các hội đồng có đủ cơ cấu, thực hiện đúng chức năng và quyền hạn theo quy định. Tổ chức kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể. Cán bộ quản lý, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đủ về số lượng, hoạt động có nề nếp, đáp ứng tốt việc thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định. Công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường luôn được quan tâm và đạt hiệu quả cao. Trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ; tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

- a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*
- b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*
- c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đã xây dựng chiến lược phát triển trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi giai đoạn 2020 - 2025 phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục (Điều 27 Văn bản hợp nhất Luật Giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31 tháng 12 năm 2015), phù hợp với định hướng, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các nguồn lực của nhà trường. Trong đó, có xác định sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu và đã đề ra các giải pháp cụ thể phát triển giáo dục, có mốc thời gian, nhân lực, vật lực để thực hiện [H1-1.1-01];

b) Chiến lược phát triển nhà trường đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn phê duyệt để đưa vào thực hiện [H1-1.1-01];

c) Chiến lược phát triển nhà trường đã được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại phòng truyền thông và công khai khai rộng rãi trên trang thông tin điện tử nhà trường [H6-1.6-15];

Mức 2:

Trường đã đề ra biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ nhằm xây dựng và phát triển trường [H1-1.1-03];

Mức 3:

Định kỳ, có rà soát chiến lược phát triển nhà trường để bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế hằng năm. Việc xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhưng chưa có sự tham gia đóng góp ý kiến rộng rãi của cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.1-03]; [H1-1.1-02];

2. Điểm mạnh

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường xây dựng có sự thảo luận đóng góp của tập thể giáo viên, nhân viên trường; dựa vào tình hình thực tế của trường theo từng giai

đoạn. Chiến lược này phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục; được sự phê duyệt của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn và đã được công khai bằng hình thức niêm yết tại bản tin và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trường chưa thực hiện thường xuyên việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kế hoạch cải tiến chất lượng bao gồm:

Thứ tự: 1

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch định kỳ thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung chiến lược phát triển trên cơ sở tham mưu, đề xuất với hội đồng trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 được thành lập theo Quyết định số 4309/QĐ-PGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn với 11 thành viên, số lượng và thành phần cơ cấu tổ chức của Hội đồng trường được đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 10, Điều lệ Trường tiểu học [H2-1.2-01];

- Hội đồng thi đua khen thưởng của trường được hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học với thành phần quy định tại Điều 12 Điều lệ Trường tiểu học. Hội đồng thi đua khen thưởng hoạt động có hiệu quả, thúc đẩy được hoạt động của nhà trường trong các phong trào chuyên môn như giáo viên giỏi, phong trào thi đua yêu nước,... và các hội thi của học sinh [H2-1.2-02];

- Hội đồng tư vấn do hiệu trưởng thành lập vào đầu năm học gồm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn, bí thư chi đoàn, tổng phụ trách Đội và các tổ trưởng chuyên môn. Hội đồng tư vấn còn thành viên thụ động, chưa mạnh dạn trong việc đưa ra ý kiến đóng góp trong cuộc họp [H2-1.2-03];

b) Hội đồng trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 10, Điều lệ Trường tiểu học. Các hoạt động, kế hoạch, chủ trương của trường đều được các thành viên trong hội đồng thảo luận và thông qua, thể hiện tốt vai trò chỉ đạo, kiểm tra, giám sát đối với tất cả hoạt động của trường. Các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định; tham mưu, đề xuất, giúp việc cho hiệu trưởng trong các công tác có liên quan theo quy định tại Điều 12, Điều lệ Trường tiểu học [H2-1.2-04];

c) Hoạt động của Hội đồng trường được thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 10, Điều lệ Trường tiểu học. Định kỳ, hội đồng tổ chức họp để đánh giá kết quả lãnh đạo việc thực hiện nhiệm vụ của trường; đồng thời, triển khai chỉ đạo, lãnh đạo việc thực hiện các nhiệm vụ sắp tới. Đa số các thành viên đều tham gia đóng góp ý kiến giúp cho Hội đồng trường đưa ra được những quyết nghị chỉ đạo sát sao việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường [H2-1.2-04];

Mức 2:

- Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác của trường được bảo đảm, góp phần cùng đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nâng cao chất lượng giáo dục chung [H1-1.1-02];

- Tất cả các hoạt động, nội dung có liên quan đến nhà trường đều được báo cáo với Hội đồng trường để các thành viên thảo luận và thông qua công khai, minh bạch [H2-1.2-04];

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định. Trong những năm học qua, các hội đồng này hoạt động hiệu quả, thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

3. Điểm yếu

Vẫn còn vài thành viên Hội đồng tư vấn chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến trong cuộc họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kế hoạch cải tiến chất lượng bao gồm:

Thứ tự: 2

Hiệu trưởng hướng dẫn các thành viên phát biểu, tạo không khí dân chủ, vui vẻ trong cuộc họp, khuyến khích các thành viên mạnh dạn phát biểu ý kiến.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- b) Hoạt động theo quy định;*
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường có đầy đủ các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định [H3-1.3-01]; [H3-1.3-02]; [H3-1.3-03]; [H3-1.3-04]; [H3-1.3-05]; [H3-1.3-06];

b) Chi bộ trường thực hiện việc sinh hoạt định kỳ 01 lần/tháng theo Điều lệ Đảng [H3-1.3-07]; Chi bộ luôn thực hiện tốt nhiệm vụ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; đồng thời, thực hiện công tác chỉ đạo, định hướng các hoạt động của chính quyền và các tổ chức đoàn thể theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, của ngành và của địa phương [H3-1.3-07]; Các tổ chức đoàn thể thực hiện việc sinh hoạt, hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ; tham gia cùng chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại nhà trường [H4-1.4-14]; Các tổ chức đoàn thể tích cực tổ chức các hoạt động, phong trào nhằm thu hút đông đảo giáo viên, học sinh tham gia [H4-1.4-14]; Tuy nhiên, vẫn còn một số hoạt động chưa được quan tâm đầu tư đúng mức nên dẫn đến kết quả thực hiện còn hạn chế.

c) Hằng năm, chi bộ trường có tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị; đồng thời, triển khai các nội dung, nhiệm vụ trong năm tới trên cơ sở các hướng dẫn của tổ chức cấp trên và tình hình thực tế tại đơn vị. Công tác đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và triển khai các nội dung, nhiệm vụ mới của các tổ chức đoàn thể được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của tổ chức đoàn thể cấp trên [H3-1.3-08];

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi được thành lập theo Quyết định số 161-QĐ/ĐU ngày 29 tháng 10 năm 2014 do Đảng ủy xã Thới Tam thôn ban hành [H3-

1.3-01]; Công tác phát triển đảng viên luôn được quan tâm, tỉ lệ phát triển đảng viên luôn đạt chỉ tiêu hằng năm. Tổng số đảng viên hiện nay của chi bộ là 20 đảng viên, trong đó có 19 đảng viên chính thức và 1 đảng viên dự bị, tỷ lệ đảng viên giáo viên là 30% trên tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên trong biên chế [H1-1.1-04]; Chi bộ Đảng thực hiện việc sinh hoạt định kì theo đúng quy định, có đánh giá các kết quả đạt được trong công tác chỉ đạo và tiếp tục đề ra những nhiệm vụ nhằm định hướng các hoạt động của chính quyền và các tổ chức đoàn thể theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Từ năm 2018 đến 2022, chi bộ luôn được đánh giá đánh giá hoàn thành tốt, xuất sắc nhiệm vụ [H3-1.3-09];

b) Công đoàn cơ sở của trường có 93 công đoàn viên tham gia sinh hoạt. Ban Chấp hành Công đoàn nhiệm kì 2023-2028 gồm 05 đồng chí theo Quyết định của Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn [H3-1.3-02]; Công đoàn cơ sở trường tổ chức nhiều hoạt động cho công đoàn viên và tham gia đầy đủ các hoạt động do Công đoàn cấp trên tổ chức như đóng góp các loại quỹ xã hội, tổ chức hoạt động ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ... [H3-1.3-10];

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của trường có 40 đoàn viên tham gia sinh hoạt [H3-1.3-03]; . Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có 1342 đội viên [H3-1.3-04]; ; Sao Nhi đồng có 658 em [H3-1.3-05]; .

Chi đoàn giáo viên và Liên đội trường cũng đã có nhiều hoạt động cho giáo viên, học sinh tham gia như: ngày Hội nuôi heo đất, An toàn giao thông,... [H3-1.3-11];

Mức 3:

a) Từ năm 2018 đến 2021, chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Riêng năm 2019, 2021 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H3-1.3-09];

b) Công đoàn cơ sở, Chi đoàn và Liên đội đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường: Công đoàn cơ sở luôn đạt danh hiệu Công đoàn Vững mạnh, Chi đoàn Vững mạnh và Liên đội luôn đạt danh hiệu Xuất sắc, tuy nhiên tổ chức Đội đôi khi còn thiếu chủ động trong các hoạt động chung của nhà trường [H3-1.3-12];

2. Điểm mạnh

Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể khác có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, đã phối hợp tốt cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

3. Điểm yếu

Tổ chức Đội đôi khi còn thiếu chủ động trong các hoạt động chung của nhà trường, thành tích đạt được chưa cao so với các trường trong huyện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kế hoạch cải tiến chất lượng bao gồm:

Thứ tự: 3

Chi bộ nhà trường sẽ quan tâm, chỉ đạo cụ thể hơn các hoạt động của Đội, phân công phó bí thư chi bộ trực tiếp chỉ đạo, hỗ trợ các hoạt động Đội.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường tiểu học Nguyễn Thị Nuôi là trường hạng I, trường có 1 hiệu trưởng, 2 phó hiệu trưởng đủ số lượng theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02] .

b) Nhà trường đảm bảo cơ cấu tổ chức theo quy định tại Khoản 1, Điều 18 của Điều lệ trường tiểu học. Trường có các tổ chuyên môn từ khối lớp 1 đến khối lớp 5, tổ bộ môn và tổ văn phòng với cơ cấu theo quy định. Mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó theo thực tế [H1-1.4-03].

c) Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, tuần [H1-1.4-04]. Chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện tốt chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục; thực hiện tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn, đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên; tham gia đánh giá xếp loại giáo viên có chất lượng; tổ chức sinh hoạt định kỳ 2 tuần một lần, các thành viên trong tổ có sổ ghi chép nội dung các cuộc họp tổ chuyên môn và thể hiện ý kiến đóng góp giải quyết tình huống trong công việc có đủ biên bản các kỳ họp [H1-1.4-05]. Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 của Điều lệ trường tiểu học; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục và quản lý sử dụng sách, thiết bị dạy học của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học [H1-1.4-07]. Tổ văn phòng giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính, tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán tài chính, thống kê theo quy định [H1-1.4-08]; các thành viên trong tổ văn phòng thực hiện tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc từng bộ phận theo kế hoạch của trường; tham gia đánh giá, xếp loại viên chức [H1-1.4-09].

Mức 2:

a) Đầu mỗi năm học, hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn dựa vào thực tế, kết quả dạy học của tổ để đăng ký chuyên đề chuyên môn, mỗi tổ đăng ký ít nhất 2 chuyên đề chuyên môn và vận dụng các chuyên đề đã được Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo tập huấn nhằm nâng cao chất lượng dạy học [H1-1.4-10].

b) Hằng tháng, trường tổ chức kiểm tra việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của các tổ; chỉ đạo các tổ rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch, phương hướng, giải pháp tổ chức các hoạt động [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Mức 3:

a) Các tổ chuyên môn không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động nhằm đẩy mạnh hoạt động giáo dục chung trong nhà trường như: đầu tư chất lượng các buổi sinh hoạt tổ, sinh hoạt chào cờ đầu tuần, hỗ trợ tích cực cho các hoạt động ngoại khóa, tổ chức thực hiện các chuyên đề cấp trường, cấp huyện và có nhiều giải pháp sáng kiến nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tại đơn vị. Chất lượng nhà trường có chuyển biến rõ nét, tỷ lệ học sinh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập tăng dần qua các năm; đã có học sinh đạt giải cao khi tham gia các hội thi cấp huyện, thành phố, Quốc gia, Quốc tế [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]; [H1-1.7-12].

b) Các hoạt động chuyên đề của tổ chuyên môn được tổ chức trong học kì 1 và học kì 2. Mỗi năm, các tổ chuyên môn đã thực hiện trung bình 5 tiết thao giảng, 5 chuyên đề/năm học về đổi mới phương pháp giảng dạy và vận dụng các kỹ giảng dạy theo hướng hiện đại giúp giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H1-1.4-04]; [H1-1.4-10]. Bên cạnh đó, tập thể giáo viên trường trẻ, năng động, sáng tạo, chịu học hỏi nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy nên chưa tham gia đóng góp, chia sẻ, thảo luận nhiều trong sinh hoạt tổ chuyên môn, giảng dạy.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo cơ cấu tổ chức và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ thực hiện tốt việc xây dựng, triển khai, đánh giá, rà soát kế hoạch. Chất lượng nhà trường có chuyển biến rõ nét, tỷ lệ học sinh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập tăng dần qua các năm; đã có học sinh đạt giải cao khi tham gia các hội thi cấp huyện, thành phố, Quốc gia, Quốc tế.

3. Điểm yếu

Tập thể giáo viên trẻ, năng động, sáng tạo, chịu học hỏi nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy nên chưa tham gia đóng góp, chia sẻ, thảo luận nhiều trong sinh hoạt tổ chuyên môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức các tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định; hiệu trưởng chỉ đạo tổ trưởng chuyên môn cần đẩy mạnh sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng phát huy tính tích cực người học, tạo điều kiện cho giáo viên chia sẻ kinh nghiệm nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục của đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;*
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;*
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Toàn trường hiện có 45 lớp với tổng số học sinh là 2022 em, đủ 5 khối từ khối lớp 1 đến khối lớp 5 theo quy định [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Mỗi lớp học đều có ban cán sự lớp, gồm 1 lớp trưởng và 2 lớp phó, lớp được chia thành bốn tổ học sinh, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó. Ban cán sự lớp do tập thể học sinh bầu ra và luân phiên thay đổi hàng tháng hoặc học kỳ nhằm quản lý các hoạt động của lớp [H1-1.5-03].

c) Lớp học được hoạt động trên nguyên tắc tự quản, dân chủ. Tất cả các lớp đều tự quản tốt nề nếp của lớp mình khi ra vào lớp và khi tham gia các hoạt động năng khiếu, ngoại khóa. Việc bầu ban cán sự lớp, xây dựng nội quy, bình xét các danh hiệu thi đua trong lớp đều do các em đề xuất, bình chọn [H1-1.5-03].

Mức 2:

a) Năm học 2022 - 2023, trường có 45 lớp vượt quá 30 lớp theo quy định của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.5-02]; [H1-1.5-04].

b) Sĩ số bình quân của mỗi lớp là 46.5 học sinh, vượt quá so với quy định là 35 học sinh/lớp theo Điều lệ trường tiểu học [H1-1.5-02].

c) Ngoài việc cơ cấu tổ chức học theo lớp, giáo viên chủ nhiệm còn tổ chức lớp học theo nhóm, tổ chức lớp học ngoài sân trường nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp [H1-1.5-06]; [H1-1.5-07].

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện tốt việc xây dựng cơ cấu tổ chức các lớp học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

3. Điểm yếu

Số lớp và tỉ lệ học sinh/lớp vượt quá so với quy định theo Điều lệ trường Tiểu học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì xây dựng kế hoạch cơ cấu tổ chức các lớp học theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Tháng 03 năm 2023, hiệu trưởng tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn trong phân tuyến tuyển sinh lớp 1 năm học 2023-2024 nhằm giảm số lớp và giảm sĩ số học sinh trong một lớp theo đúng quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương;

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ phục vụ cho hoạt động giáo dục trong nhà trường như: sổ đăng bộ [H1-1.5-01], học bạ của học sinh [H1-1.6-01], sổ tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh [H1-1.6-02], phần mềm quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-03], sổ khen thưởng [H1-1.4-12], sổ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-04], sổ công văn đến [H1-1.6-05], sổ công văn đi [H1-1.6-06]. Các hồ sơ được cập nhật đầy đủ, đúng tiến độ, chính xác.

b) Nhà trường thực hiện đúng việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất đúng theo quy định [H1-1.6-07]; thực hiện nghiêm túc việc công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-08]; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật thường xuyên phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-09].

c) Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao đúng mục đích, mang lại hiệu quả cao trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy của đơn vị. Việc tu bổ, mua sắm cơ sở vật chất để phục vụ các hoạt động giáo dục được trường thực hiện định kỳ thường xuyên [H1-1.6-04].

Mức 2:

a) Nhà trường đã và tiếp tục triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường, lưu trữ dữ liệu trên máy tính. Nhà trường sử dụng các phần mềm PMIS, EPMIS, IMAS để hỗ trợ cho công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trang thông tin điện tử của trường được cập nhật thông tin thường xuyên [H1-1.6-03].

b) Từ năm học 2018 - 2019 đến nay, trường không có vi phạm nào về việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản[H1-1.6-10].

Mức 3:

Trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường nhằm góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường lưu trữ hồ sơ, văn bản theo quy định, thực hiện đầy đủ công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản; sử dụng có hiệu quả về tài chính, tài sản để phục vụ các hoạt động giáo dục. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Trong 5 năm trở lại đây, trường không có hiện tượng vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản của đơn vị.

3. Điểm yếu

Trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính phù hợp với điều kiện nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục phát huy công tác quản lý tài chính, tài sản của đơn vị trong việc trang bị các thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục.

Từ năm 2023 hiệu trưởng xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính phù hợp với điều kiện thực tế đơn vị góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, trường đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thông qua việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03]; và nghiêm túc thực hiện kế hoạch, tổ chức các buổi tập huấn, chuyên đề, thao giảng nhằm nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ [H1-1.4-10]; [H1-1.4-11]. Hiện nay, 100% cán bộ quản lý và giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, tỉ lệ trên chuẩn đạt 99.7% [H1-1.4-07]. Tuy nhiên, vẫn còn một giáo viên lớn tuổi chưa tích cực trong việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Nhà trường thực hiện tốt việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hợp lý, rõ ràng. Việc phân công nhiệm vụ được công bố công khai trong buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường đầu năm và trong năm học. Nguyên tắc phân công dựa trên cơ sở năng lực, bằng cấp của từng cá nhân nhờ vậy nhận được sự đồng tình cao của hội đồng sư phạm và đảm bảo được hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-06]; [H1-1.7-04].

c) Trường đảm bảo quyền lợi cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo đúng quy định của luật lao động; luật công chức, viên chức; được hưởng lương và các chế độ đúng mã chức danh nghề nghiệp của từng người trong bảng lương. Tạo điều kiện làm

việc, động viên, khen thưởng kịp thời, tạo động lực cho nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công [H1-1.4-10]; [H1-1.7-05].

Mức 2:

Hàng năm, trường đề ra những giải pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục. Khuyến khích, tạo môi trường làm việc bình đẳng, tạo động lực để đội ngũ hoàn thành tốt nhiệm vụ; tổ chức cho giáo viên tham gia viết sáng kiến, giải pháp về việc nâng cao chất lượng giáo dục; thực hiện các chuyên đề dạy học, tạo điều kiện cho cá nhân thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên, phân công hợp lý, tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo các quyền theo đúng quy định.

3. Điểm yếu

Việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Còn 02 giáo viên hiện đang tham gia học nâng chuẩn đến năm 2024 hoàn thành.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và những năm tiếp theo, nhà trường đẩy mạnh hơn nữa việc nâng cao trình độ đội ngũ, chú ý đến đối tượng giáo viên trẻ để phát huy năng lực.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

a) Trường xây dựng kế hoạch giáo dục, quản lý các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp hằng năm phù hợp với quy định hiện hành. Các kế hoạch được xây dựng dựa trên các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo Hóc Môn và điều kiện thực tế, kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học trước của nhà trường. Kế hoạch giáo dục là định hướng cho mọi hoạt động giáo dục của nhà trường trong suốt năm học [H1-1.1-03]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ và được đánh giá qua báo cáo sơ kết học kì I và báo cáo tổng kết năm học [H1-1.1-04]. Thông qua kiểm tra nội bộ, nhà trường đã thực hiện đánh giá các hoạt động giáo dục của từng cá nhân, bộ phận và phát hiện những hạn chế, tồn tại trong kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của từng cá nhân để từ đó rút kinh nghiệm sau mỗi lần kiểm tra [H1-1.8-03].

c) Kế hoạch giáo dục nhà trường được rà soát, đánh giá cuối học kì I và có những điều chỉnh trong học kì II kịp thời. Tuy nhiên, việc điều chỉnh kế hoạch giáo dục của các tổ đôi lúc chưa thể hiện rõ nội dung đã điều chỉnh [H1-1.4-05].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường thực hiện nghiêm túc các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục trong nhà trường: xây dựng kế hoạch, phân công phân nhiệm cụ thể, tăng cường công tác kiểm tra, góp ý sau các hoạt động. Nhờ vậy, các hoạt động giáo dục của đơn vị luôn được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt hiệu quả cao qua các đợt kiểm tra. Năm học 2018 – 2019, nhận giấy khen Đơn vị đạt thành tích dẫn đầu về số lượng huy chương trong các giải thể thao học sinh cấp Thành phố và Đơn vị thực hiện tốt chuyên đề Câu lạc bộ trải nghiệm với Khoa học ứng dụng cấp Thành phố [H1-1.8-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý các hoạt động giáo dục. Luôn đề ra được các giải pháp khả thi để thực hiện tốt công tác chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục; tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động đề ra trong kế hoạch giáo dục của đơn vị

3. Điểm yếu

Việc điều chỉnh kế hoạch giáo dục của các tổ khối đôi lúc chưa kịp thời, chưa thể hiện rõ nội dung đã điều chỉnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng thường xuyên có kế hoạch, phân công rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của các tổ khối để kịp thời điều chỉnh; đồng thời, thể hiện rõ nội dung điều chỉnh trong kế hoạch

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở;

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường thực hiện tốt quy chế dân chủ tại cơ sở, tạo điều kiện cho từng cá nhân trong hội đồng nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp

xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.9-01]. Thực hiện công khai đầy đủ: chiến lược phát triển nhà trường, quy chế hoạt động cơ quan, quy chế chi tiêu nội bộ, thi đua khen thưởng, tài chính, kết quả giáo dục của đơn vị... trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm và các cuộc họp hội đồng sư phạm [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.6-09]; [H1-1.3-06].

b) Trong các năm học qua, mọi kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường về chế độ chính sách đều được hiệu trưởng phối hợp cùng Ban chấp hành Công đoàn giải đáp trong hội nghị cán bộ, công chức và trong các cuộc họp hội đồng sư phạm định kỳ hợp lý, đúng pháp luật; không có khiếu nại, tố cáo xảy ra tại trường [H1-1.3-06]; [H1-1.9-02].

c) Mỗi năm, nhà trường đều có báo cáo đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ và được thông qua tại hội nghị cán bộ, công chức [H1-1.3-03]; [H1-1.9-02].

Mức 2:

Nhà trường đã thực hiện tốt các biện pháp nhằm đảm bảo quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện một cách công khai, minh bạch, hiệu quả nên nhiều năm qua đơn vị không có hiện tượng đơn thư khiếu tố, khiếu nại. Để thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, vào đầu mỗi năm học, nhà trường chỉ đạo Ban thanh tra nhân dân xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng tháng và thực hiện các biện pháp giám sát, đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả, tất cả nội dung đều được Hội đồng trường thảo luận và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-08]; [H1-1.9-04]; [H1-1.9-05]. Tuy nhiên, số lượng ý kiến chưa nhiều và chưa tập trung vào nhiệm vụ phát triển nhà trường.

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến liên quan đến các hoạt động của nhà trường; mọi thành viên trong nhà trường luôn chấp hành và thực hiện tốt trách nhiệm, nghĩa vụ cá nhân đối với Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục và nhà trường. Nhiều năm liền nội bộ nhà trường luôn đoàn kết, gắn bó, chưa xảy ra mâu thuẫn hay khiếu nại, tố cáo. Hằng năm, trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

3. Điểm yếu

Trong các buổi họp, số lượng ý kiến, thảo luận của cán bộ, giáo viên, nhân viên chưa nhiều và chưa tập trung vào nhiệm vụ phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 – 2024, hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận, đoàn thể tăng cường đối thoại, tạo điều kiện, khuyến khích để các cá nhân mạnh dạn góp ý trong các cuộc họp. Trong các cuộc họp, cán bộ quản lý phối hợp với các bộ phận gợi ý, khuyến khích, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên đóng góp ý kiến thông qua hình thức góp ý trực tiếp hoặc tiếp nhận đơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ các phương án an toàn, an ninh trật tự theo quy định: phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; phương án phòng, chống cháy nổ và cứu hộ, cứu nạn [H1-1.10-04]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-05]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-06]. Trường có tổ chức bếp ăn tập thể tự nấu phục vụ cho học sinh học bán trú. Bếp ăn được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, có cam kết với Ban an toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02].

b) Trường có hộp thư góp ý để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của phụ huynh và học sinh; công khai số điện thoại của Ban giám hiệu, công khai lịch tiếp công dân để kịp thời tiếp nhận, xử lý các thắc mắc của phụ huynh và học sinh [H1-1.10-097]; [H1-1.10-08]. Nhà trường cũng luôn chú trọng việc đảm bảo an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên với các phương án, biện pháp thiết thực được xây dựng và triển khai cụ thể, phù hợp với tình hình, đặc điểm của đơn vị, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-04]. Tuy nhiên, vẫn chưa giải quyết dứt điểm tình trạng buôn bán trước cổng trường vào đầu giờ học.

c) Học sinh được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng. Trường không có các tệ nạn xã hội, không có hiện tượng kỳ thị, phân biệt về giới tính, không có tình trạng bạo lực xảy ra trong nhà trường [H1-1.10-06].

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên tuyên truyền, tập huấn, phổ biến, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh về các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực

trong nhà trường; có tổ chức diễn tập phương án phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ dưới sự tham gia, giám sát của ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn; mời báo cáo viên của trung tâm y tế Huyện Hóc Môn đến tập huấn kiến thức an toàn vệ sinh thực phẩm cho cán bộ bán trú, nhân viên bếp ăn, bảo mẫu [H1-1.10-09].

b) Thường xuyên kiểm tra, thu thập, tiếp nhận các thông tin có biểu hiện liên quan đến học đường, an ninh trật tự và phân công xử lý, ngăn chặn kịp thời, phân công tổng phụ trách thường xuyên sinh hoạt học sinh, trường không có bạo lực học đường [H1-1.10-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

3. Điểm yếu

Vẫn còn tình trạng buôn bán trước cổng trường vào đầu giờ học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng và thực hiện các kế hoạch, phương án phối hợp trong việc đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh,... trong trường.

Tháng 08 năm 2023, hiệu trưởng kịp thời tham mưu với chính quyền địa phương có biện pháp giải quyết tình trạng buôn bán trước cổng trường vào đầu giờ học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh:

Chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các nguồn lực của đơn vị.

Chi bộ đã thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong các hoạt động giáo dục. Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo

quy định, phát huy được hiệu quả đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thúc đẩy và đưa chất lượng dạy và học ngày càng đi lên.

Các đoàn thể trong nhà trường đã tích cực hoạt động hiệu quả trong việc phát động, tổ chức các phong trào thi đua; nâng cao chất lượng giáo dục tại đơn vị.

Nhà trường đảm bảo cơ cấu tổ chức theo quy định; thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên: phân công hợp lý, tạo điều kiện cho học tập, bồi dưỡng, đảm bảo các quyền theo đúng quy định.

Xây dựng và triển khai có hiệu quả các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống tai nạn, thương tích; phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

Trường thực hiện có hiệu quả Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế dân chủ; công tác thu, chi, quyết toán, công khai tài chính, tài sản luôn minh bạch. Trường đã thực hiện tốt việc xây dựng hệ thống hồ sơ sổ sách.

Điểm yếu:

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia đóng góp ý kiến rộng rãi của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

Số lượng đảng viên chưa đảm bảo với tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường (20/73 - tỉ lệ 27%).

Tập thể giáo viên trẻ, năng động, sáng tạo, chịu học hỏi nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy nên chưa tham gia đóng góp, chia sẻ, thảo luận nhiều trong sinh hoạt tổ chuyên môn, xây dựng phát triển nhà trường.

Trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính phù hợp với điều kiện nhà trường.

Vẫn còn tình trạng buôn bán trước cổng trường vào đầu giờ học

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường đạt trình độ trên chuẩn, được bồi dưỡng về quản lý giáo dục; có năng lực lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục của nhà trường, được tập thể nhà trường tín nhiệm.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên có tư tưởng ổn định, nhiệt tình trong công tác, tích cực tham gia các hoạt động phong trào và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên. Đa số giáo viên trường đều trẻ, nhiệt tình, năng động, sáng tạo, tuy nhiên còn hạn chế về kinh nghiệm giảng dạy. Các em học sinh chăm ngoan, tích cực tham gia các phong trào nhà trường, đạt thành tích cao cấp huyện, Thành phố, quốc gia, quốc tế.

Số lớp, số học sinh vượt quá quy định Điều lệ trường Tiểu học. Toàn trường có 44 lớp, bình quân sĩ số học sinh là 45.68 học sinh/ lớp.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 03 cán bộ quản lý đều đạt chuẩn theo quy định, trong đó có 01 cán bộ quản lý có bằng Thạc sĩ Quản lý giáo dục và 02 cán bộ quản lý có bằng Cử nhân Quản lý giáo dục. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều có số năm dạy học từ 5 năm trở lên. Hiệu trưởng có 36 năm công tác, phó hiệu trưởng 1 có 24 năm công tác, phó hiệu trưởng 2 có 28 năm công tác. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có quyết định bổ nhiệm của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn đúng quy định [H2-2.1-01].

b) Hằng năm, cán bộ quản lý được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn đánh giá đạt từ khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều có trình độ Trung cấp chính trị [H2-2.1-04]; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ Trường tiểu học và được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Từ năm học 2018-2019 đến nay, cán bộ quản lý trường luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao và được đánh giá chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên [H2-2.1-02].

b) Đội ngũ cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị theo quy định; Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng 1 bằng Thạc sĩ Quản lý giáo dục và bằng Cử nhân Quản lý giáo dục và được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm, góp phần xây dựng đội ngũ giáo viên vững vàng về chuyên môn, chuẩn mực về đạo đức; thúc đẩy và quản lý hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05]. Tuy nhiên hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chưa đạt trình độ Cao cấp lý luận chính trị.

Mức 3:

Cán bộ quản lý liên tục được lãnh đạo cấp trên đánh giá đạt xuất sắc theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học năm học 2018-2019 và 2019-2020 đạt Mức khá; năm học 2020-2021 trường tự đánh giá đạt Mức khá; năm học 2021-2022 Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn đánh giá đạt Mức khá [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vững vàng, được tập thể tin nhiệm, góp phần xây dựng đội ngũ giáo viên vững vàng về chuyên môn, chuẩn mực về đạo đức; thúc đẩy và quản lý hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chưa đạt trình độ Cao cấp lý luận chính trị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng sắp xếp công việc tham gia học lớp Cao cấp chính trị theo chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2022-2023, trường có 45 lớp học 2 buổi/ngày. Tổng số giáo viên của trường là 62. Tỷ lệ giáo viên/lớp là 1,4 chưa đạt so với quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H1-1.1-03]. Số lượng giáo viên trong định biên chưa đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Đội ngũ giáo viên bộ môn gồm có 02 giáo viên dạy Thể dục, 01 giáo viên dạy Tin học, 7 giáo viên dạy tiếng Anh và 01 giáo viên Tổng phụ trách Đội [H2-2.1-06].

b) 96,7% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H2-2.2-01].

c) Trường thực hiện nghiêm túc việc đánh giá giáo viên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học. Trong 05 năm liên tiếp, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp loại khá trở lên [H2-2.2-03].

Mức 2:

a) Số lượng giáo viên đạt trình độ chuẩn là 60/62 giáo viên, đạt tỷ lệ 96,7%.

b) Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2021-2022, 100% giáo viên luôn được đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông từ mức khá trở lên [H2-2.2-03].

c) Trong những năm qua, nhà trường không có trường hợp giáo viên bị kỷ luật [H1-1.6-11].

Mức 3

a) Giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo 1 GV. [H2-2.2-03].

b) Trong những năm qua, 100% giáo viên được đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông đạt từ mức khá trở lên [H2-2.2-03].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Tỉ lệ giáo viên đạt trình độ chuẩn đào tạo, chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học cao. Hầu hết giáo viên đều tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn của ngành, có tinh thần học hỏi, tích cực đổi mới phương pháp để nâng cao chất lượng dạy và học.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ giáo viên/lớp chưa đảm bảo theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì việc phân công nhiệm vụ cho đội ngũ giáo viên theo đúng năng lực, sở trường công tác và chuyên môn được đào tạo.

Trong năm học 2023 - 2024, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, khuyến khích, động viên, tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho giáo viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ nhằm đạt tỉ lệ trình độ chuẩn theo quy định; Cán bộ quản lý tăng cường dự giờ, thăm lớp để góp ý, tư vấn cho đội ngũ giáo viên nhằm nâng cao tay nghề cho đội ngũ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 4 nhân viên bao gồm: 1 nhân viên kế toán, 1 nhân viên làm công tác y tế, 1 nhân viên thủ quỹ kiêm văn thư, 1 nhân viên thư viện. Bên cạnh đó, phân công 1 giáo viên kiêm nhiệm công tác thiết bị để đảm bảo chất lượng hoạt động nhà trường [H2-2.3-01].

b) Nhân viên được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực, đáp ứng về chuyên môn nghiệp vụ. 100% nhân viên đạt chuẩn [H2-2.3-02].

c) Nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, có ý thức kỷ luật trong lao động, có tinh thần đoàn kết tốt, chịu khó học hỏi, nhiệt tình với công việc, có phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Mức 2:

a) Số lượng nhân viên đảm bảo cho hoạt động của nhà trường, có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. [H1-1.4-04]; [H2-2.3-02]. Tuy nhiên, còn thiếu vị trí công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ

GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

b) Hàng năm, nhà trường đánh giá xếp loại nhân viên theo quy định. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị xử lý kỷ luật. [H2-2.3-02].

Mức 3:

a) Nhân viên kế toán có trình độ Cao đẳng tài chính kế toán, nhân viên phụ trách y tế có trình độ Trung cấp sĩ, nhân viên thủ quỹ có bằng Cao đẳng Tài chính ngân hàng, nhân viên thư viện có bằng Cao đẳng thư viện đáp ứng được vị trí việc làm, được phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực. [H2-2.3-02].

b) Hằng năm, đội ngũ nhân viên đều được nhà trường tạo điều kiện tham gia đầy đủ các khoá, lớp tập huấn bồi dưỡng do cấp trên tổ chức theo vị trí việc làm: Nhân viên kế toán tham gia các đợt tập huấn về lập dự toán, quyết toán ngân sách, nghiệp vụ đấu thầu, nhân viên phụ trách y tế tham gia các buổi tập huấn tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm [H2-2.3-02].

2. Điểm mạnh

100% Đội ngũ nhân viên được nhà trường đạt chuẩn, được phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực và tất cả đều có tinh thần trách nhiệm cao, luôn hoàn thành tốt công việc được giao. Nhà trường đảm bảo nhân viên được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định.

3. Điểm yếu

Trường còn thiếu 1 vị trí công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo xin Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn bổ sung biên chế được giao, tuyển dụng thêm nhân viên đáp ứng với nhu cầu biên chế của trường theo vị trí đề án việc làm 2019 đã được duyệt

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực;

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường đã thực hiện tốt công tác tuyển sinh trên địa bàn do ủy ban nhân dân huyện phân tuyến hằng năm; chỉ đạo tốt công tác dạy và học để giảm tỉ lệ học sinh lưu ban. Vì vậy, trong 5 năm trở lại đây trường không có học sinh quá 14 tuổi đang theo học [H1-1.5-02]; [H1-1.6-01].

b) Học sinh có ý thức trách nhiệm, thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ của học sinh, nghiêm túc thực hiện nội quy của nhà trường đề ra, biết tự phục vụ, tự quản và hợp tác với các bạn học sinh khác; thực hiện tốt những hành vi học sinh không được làm theo của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.6-02]; [H2-2.4-01]. Đa số học sinh ngoan, lễ phép, biết giữ gìn vệ sinh môi trường và tham gia tích cực các hoạt động giáo dục của nhà trường [H2-2.4-02].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ trường tiểu học. Học sinh được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng. Các em được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu, được hưởng chính sách xã hội theo quy định [H2-2.4-01]; [H1-1.8-03].

Mức 2:

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác giáo dục đạo đức, phẩm chất cho học sinh. Học sinh được chú ý rèn luyện và giáo dục năng lực phẩm chất thường xuyên. Trường tổ chức tuyên truyền, nhắc nhở học sinh và phối hợp cùng phụ huynh trong công tác giáo dục học sinh nhằm kịp thời phát hiện những hành vi vi phạm của học sinh để đưa ra biện pháp giáo dục phù hợp giúp học sinh có sự chuyển biến tích cực [H2-2.4-01]; [H1-1.5-06]. Tuy nhiên, đối với học sinh thuộc địa bàn thu nhận xa (ở xã Bà Điểm, cách trường hơn 5km) giáo viên chủ nhiệm rất khó khăn trong công tác phối hợp với cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục.

Mức 3:

Trong những năm qua, học sinh của trường luôn tích cực học tập, rèn luyện và đạt nhiều thành tích trong các hội thi và phong trào thi đua từ cấp huyện, thành phố, quốc gia đến cấp quốc tế, góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao, nâng cao chất lượng giáo dục chung [H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Học sinh của nhà trường đảm bảo đúng độ tuổi quy định, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quy định về các hành vi học sinh không được làm.

Các em học sinh luôn tích cực học tập, rèn luyện và đạt nhiều thành tích trong các hội thi và phong trào thi đua từ cấp huyện đến cấp quốc tế.

3. Điểm yếu

Đối với học sinh thuộc địa bàn thu nhận xa (ở xã Bà Điểm, cách trường hơn 5km) giáo viên chủ nhiệm rất khó khăn trong công tác phối hợp với cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019-2020, nhà trường tiếp tục duy trì, đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh vào tại trường.

Tháng 3 năm 2020, hiệu trưởng tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo trong việc phân tuyến lớp một đảm bảo cự ly học sinh cách trường không quá 5km. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, hình thức tổ chức lớp

để kích thích hứng thú học tập và phát huy năng lực của học sinh; xây dựng kế hoạch công tác chủ nhiệm trong đó chú ý phát huy năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh:

Cán bộ quản lý của trường đạt các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học và được đánh giá từ khá trở lên theo chuẩn hiệu trưởng.

Đội ngũ giáo viên được phân công đúng chuyên môn, 100% đạt chuẩn và 98,7% trên chuẩn, hầu hết đều tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn của ngành, có tinh thần học hỏi, tích cực đổi mới phương pháp để nâng cao chất lượng dạy và học.

Đội ngũ nhân viên được nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp theo năng lực và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Học sinh đảm bảo đúng độ tuổi quy định, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quy định về các hành vi học sinh không được làm,

Điểm yếu:

Trường còn thiếu 1 vị trí công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

Tại thời điểm đánh giá, tỉ lệ giáo viên được đánh giá mức tốt chuẩn nghề nghiệp chưa đạt ít nhất 20%.

Một số học sinh thuộc địa bàn thu nhận cách xa trường hơn 5km, giáo viên chủ nhiệm rất khó khăn khi phối hợp với cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/4

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường được thành lập và đi vào hoạt động năm 2014. Khuôn viên của trường đã có nhiều cây xanh, kang trang, thoáng mát, có tường rào bao quanh, sân chơi sạch sẽ; phòng học đạt chuẩn với bàn ghế đầy đủ, đúng kích cỡ và chủng loại theo quy định; hệ thống khối phòng học, phòng hành chính cũng như trang thiết bị văn phòng phục vụ tốt cho công tác quản lý và giảng dạy. Nhà trường có công trình vệ sinh riêng cho học sinh và giáo viên. Nhà để xe an toàn; hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác đáp ứng yêu cầu của hoạt động giáo dục. Thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và phát triển văn hóa đọc của học sinh. Thiết bị dạy học luôn đáp ứng đủ cho nhu cầu giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh; giáo viên luôn tích cực, sáng tạo trong việc tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng một cách có hiệu quả.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;*
- c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.*

Mức 2:

- a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;*
- b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.*

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động;

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường có khuôn viên riêng biệt với diện tích 9.562 m², có cây xanh bóng mát, sạch, đẹp đáp ứng được nhu cầu hoạt động học tập và vui chơi cho học sinh tiểu học. [H3-3.1-01].

b Trường có 2 cổng, cổng chính nằm ở số 402 đường Tô Ký, ấp Tam Đông 1, xã Thới Tam Thôn huyện Hóc Môn và cổng phụ nằm trên đường Phạm Thị Giây, ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn. Cổng trường rộng, có biển tên trường rõ ràng, đáp ứng theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Điều lệ trường tiểu học; xung quanh trường có tường rào bảo vệ bao quanh, đảm bảo theo quy định [H3-3.1-02].

c) Sân chơi bằng phẳng đảm bảo an toàn cho học sinh. Trường tận dụng sân chơi làm bãi tập thể dục cho học sinh đáp ứng tốt nhu cầu giáo dục thể chất của đơn vị [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Tổng diện tích toàn trường 9562 m²., trường có 44 lớp với 2047 học sinh, đạt tỉ lệ 4,67 m²/1 học sinh. Khuôn viên nhà trường chưa đảm bảo theo quy định tại Khoản 3, Điều 45, Điều lệ trường tiểu học [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Trường chưa đảm bảo diện tích, chất lượng sân chơi, sân tập cho học sinh trong giờ học thể dục và hoạt động [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 3:

Sân chơi cũng là bãi tập bằng phẳng, có cây xanh bóng mát. Trường đã trang bị các thiết bị cho môn bóng rổ, bóng chuyền, cầu lông. Tuy nhiên vẫn chưa trang bị đủ các thiết bị sân chơi, thiết bị vận động [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường có khuôn viên riêng biệt, đảm bảo tốt về an ninh trật tự và cảnh quan môi trường. Sân chơi bằng phẳng đảm bảo an toàn cho học sinh vui chơi và tập thể dục. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nỗ lực trong việc bảo vệ cảnh quan, môi trường đạt các yêu cầu “Xanh, sạch, đẹp, an toàn”.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa đảm bảo diện tích bình quân tối thiểu 6 m²/học sinh đối với khu vực thành phố.

Diện tích sân chơi còn hạn chế chưa đáp ứng với nhu cầu học sinh toàn trường, chưa có sân riêng dành cho tập thể dục thể thao, chưa trang bị đủ thiết bị sân chơi, thiết bị vận động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2020, Hiệu trưởng tiếp tục xin chủ trương Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn duyệt xây dựng sân bóng đá mini từ quỹ phát triển sự nghiệp đơn vị nhằm tạo sân chơi, bãi tập cho học sinh trong đợt sửa chữa hè;

Tháng 3 năm 2020, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện lại phân tuyến tuyển sinh giảm dần số lượng học sinh để đảm bảo diện tích bình quân cho mỗi học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 1.

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

- a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*
- b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*
- c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.*

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường có 44 phòng học, đáp ứng đủ phòng học riêng cho 100% lớp học hai buổi/ngày, mỗi phòng học có diện tích tối thiểu là 56.8 m² đảm bảo đúng quy định. Phòng

học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học; tạo điều kiện cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi. Thiết bị các phòng học đảm bảo quy định tại Điều 46, Điều lệ trường tiểu học [H3-3.2-01].

b) Mỗi phòng học đều có đủ bàn ghế đảm bảo chỗ ngồi học cho học sinh; đúng kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc quy định theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT, ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế [H1-1.6-05]; [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

c) Mỗi phòng học đều có hệ thống đèn quạt đảm bảo ánh sáng và thoáng mát, trung bình mỗi lớp có 4 quạt trần và 19 bóng đèn; có tủ đựng hồ sơ và thiết bị dạy học của giáo viên và tủ đựng đồ dùng cá nhân học sinh [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Trường có 44 phòng học, trong đó có 38 phòng 56.8 m² và 06 phòng học diện tích 85,2 m² với tổng diện tích các phòng học là 2.669,6 m², bình quân là 1.30 m²/học sinh. Đối chiếu theo mục 5.2.3 TCVN 8793:2011 về diện tích phòng học được xác định với tiêu chuẩn 1,25 m²/học sinh và số lượng sĩ số học sinh hiện nay thì diện tích phòng học đảm bảo theo quy định [H3-3.2-01].

b) Nhà trường trang bị đầy đủ tủ đựng thiết bị dạy học cho giáo viên, micro, ti vi trong mỗi phòng học [H1-1.6-05].

c) Bàn ghế học sinh trong lớp đảm bảo đúng kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc quy định theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT, ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế [H3-3.2-01].

Mức 3:

Hiện nay, trường có 2 phòng học bộ môn tin học, mỗi phòng có 54 máy tính hoạt động tốt, có kết nối internet đảm bảo 1 học sinh thực hành trên 1 máy; 1 phòng học Tiếng Anh có bảng tương tác, có máy vi tính kết nối mạng, có tai nghe; 1 phòng âm nhạc; 1 phòng mỹ thuật. Chưa có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu [H3-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo cơ bản theo quy định. Các phòng học đảm bảo đúng quy cách; kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn ghế phù hợp theo quy định. Giáo viên sử dụng có hiệu quả và bảo quản tốt các trang thiết bị trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Trường chưa có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2019-2020 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện lại phân tuyến tuyển sinh giảm dần số lượng học sinh để sắp xếp thêm phòng hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có khối phòng phục vụ học tập gồm: 2 phòng tin học tổng diện tích là 170,4 m²; 1 phòng Tiếng Anh 85,2 m²; 1 phòng âm nhạc 85,2 m²; 1 phòng mỹ thuật 28,4 m²; 1 phòng Đội 28,4 m²; 1 phòng truyền thống 57,51 m²; thư viện với 1 phòng đọc học sinh 85,2 m², phòng đọc giáo viên 28,4 m², kho sách 28,4 m² và 1 phòng thiết bị diện tích 28,4 m² với 1 kho thiết bị 28,4 m² đáp ứng các yêu cầu hoạt động giáo dục [H3-3.1-01].

b) Khối phòng hành chính của trường bao gồm: phòng hiệu trưởng 28,4 m², 2 phòng phó hiệu trưởng với tổng diện tích là 56,8 m², phòng tài vụ 28,4 m², phòng y tế 28,4 m², phòng bảo vệ ở gần cổng trường có diện tích 9 m². Khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác chuyên môn và quản lý [H3-3.3-02].

c) Nhà trường có nơi để xe cho giáo viên, nhân viên với diện tích 126 m², được đặt ở vị trí thuận tiện. Khu để xe an toàn, thực hiện tốt khâu bảo vệ trong việc bảo quản xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.3-02].

Mức 2:

a) Diện tích khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính đảm bảo theo quy định của TCVN 8793:2011. Khu vực bếp rộng 76,5 m², nhà ăn với diện tích 322 m², Khu sấy rửa chén đĩa 12,24 m², kho thực phẩm 14,95 m², kho ga 4,75 m² nằm riêng biệt với khu vực phòng học và phòng làm việc [H3-3.1-01].

b) Trường có bố trí nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung của trường bên trong phòng truyền thống nhưng đa số hồ sơ, tài liệu, các văn bản cũng đều được lưu trữ trong tủ hồ sơ do các bộ phận tự quản lý [H3-3.3-02].

Mức 3:

Các khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cơ bản, sắp xếp gọn gàng, khoa học đáp ứng tốt việc hoạt động và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động của nhà trường [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

2. Điểm mạnh

Các khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính đảm bảo theo quy định. Được trang bị trang thiết bị phục vụ hoạt động đảm bảo quy định về điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị giáo dục

trong khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính đảm bảo phục vụ các hoạt động giáo dục đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Trường chưa có phòng lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng xây dựng phương án giảm sĩ số học sinh, giảm số phòng học, tận dụng, chuyển đổi các phòng chức năng, dành riêng 1 phòng để làm nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung cho toàn trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

- a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*
- b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*
- c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

- a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*
- b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường có công trình vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh tại các tầng, có khu riêng cho nam và nữ, vị trí được bố trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ theo đúng quy cách đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, đảm bảo*

sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. Số lượng nhà vệ sinh đủ so với quy định [H3-3.4-01]. Tuy nhiên, trường chưa có phòng riêng biệt dành cho học sinh khuyết tật hòa nhập.

b) Trường có hệ thống cấp thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường. Nhà trường sử dụng 2 nguồn nước. Hệ thống nước thủy cục sử dụng cho công tác bán trú và hệ thống nước giếng dùng cho khu nhà vệ sinh, tưới cây đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04].

c) Trường có nhà để thu gom và xử lý chất thải đảm bảo đúng yêu cầu. Trong khuôn viên trường được bố trí các thùng rác có ghi rõ phân loại rác giúp học sinh dễ dàng thực hiện. Trường cũng đã hợp đồng với Công ty Bảo Tín để thu gom rác mỗi ngày [H3-3.4-05].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh được bố trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ theo đúng quy cách đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh [H3-3.4-01].

b) Nhà trường sử dụng hệ thống nước máy Trung An phục vụ cho việc nấu ăn, sử dụng hệ thống nước giếng khoan cho khu vực vệ sinh. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đều đáp ứng theo quy định [H1-3.1-01]; [H3-3.4-05]; [H3-3.4-06].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống nước sạch, nhà vệ sinh sạch sẽ, hệ thống thoát nước đảm bảo, thu gom và xử lý rác thải đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu

Chưa có phòng dành riêng đặc biệt dành cho học sinh khuyết tật hòa nhập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng điều chỉnh, bố trí khu nhà vệ sinh dành 1 phòng vệ sinh riêng biệt dành cho học sinh khuyết tật hòa nhập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ công tác quản lý và giảng dạy như: máy tính kết nối mạng internet, máy in, máy photo, scan, ... phục vụ đầy đủ, kịp thời các hoạt động giáo dục, công tác quản lý nhà trường [H1-1.6-05].

b) Trường có đầy đủ các thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập như tranh ảnh, bảng nhóm, tủ thiết bị, băng đĩa, máy chiếu, laptop, nam châm, lược đồ, bản đồ, bảng tương tác, các dụng cụ,... đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16/7/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bộ đồ dùng dạy học do kinh phí cấp được đưa lên từng lớp học cho giáo viên sử dụng. [H3-3.5-01]

c) Hằng năm, vào cuối mỗi năm học, nhà trường thực hiện nghiêm túc việc kiểm kê, nâng cấp và bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy học [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Đảm bảo 100% máy tính của trường đều được kết nối mạng và phục vụ tốt cho công tác quản lý, tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.5-04].

b) Trường trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học tối thiểu. Có bảng tương tác, máy chiếu, tivi phục vụ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy [H3-3.5-01].

c) Nhân viên thiết bị thường xuyên thực hiện việc kiểm kê, đánh giá tình trạng sử dụng; để từ đó có đề xuất với Hiệu trưởng về việc mua sắm, bổ sung trang thiết bị, phương tiện dạy học hằng năm nhằm đảm bảo hoạt động của nhà trường [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03]. Bên cạnh đó, trường khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giảng dạy [H3-3.5-05]; [H3-3.5-06].

Mức 3:

Giáo viên đã vận dụng khá tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy thay cho việc sử dụng đồ dùng dạy học thông thường; giáo viên thường xuyên tự làm đồ dùng dạy học phù hợp với nội dung bài dạy theo định hướng phát triển năng lực học sinh [H2-3.5-06]; [H3-3.5-057]. Tuy nhiên, một số giáo viên chưa khai thác triệt để và sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học.

2. Điểm mạnh

Trường quan tâm đầu tư đúng mức trang thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường, có đủ đồ dùng dạy học tối thiểu đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo viên thường xuyên sử dụng và sử dụng có hiệu quả đồ dùng dạy học trên lớp.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên chưa khai thác triệt để và sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022 - 2023 trở đi, hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng xây dựng chuyên đề sử dụng hiệu quả đồ dùng dạy học với sự chia sẻ của giáo viên về việc sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả trong tiết dạy và các tiết thao giảng minh họa giúp giáo viên học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, nâng cao chất lượng giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện của trường luôn được đầu tư đầy đủ các phương tiện, thiết bị cần thiết theo quy định; đáp ứng đầy đủ các loại: báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa, tài liệu cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đọc, nghiên cứu và tra cứu thông tin [H3-3.6-01].

b) Thư viện có kế hoạch hoạt động năm, tháng và báo cáo kịp thời, đầy đủ. Hàng năm, cán bộ thư viện đều lập kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện theo đúng chỉ đạo thư viện Phòng Giáo dục và Đào tạo đề ra [H3-3.6-02]. Bên cạnh đó, thư viện còn tổ chức các hoạt động nhằm thu hút bạn đọc đến với thư viện như: ngày hội đọc sách, hội thi kể chuyện theo sách, hội thi kể chuyện bằng tiếng Anh [H3-3.6-03].

c) Hằng năm, thư viện đều thực hiện việc kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục và các tài liệu tham khảo. Nhà trường đầu tư bổ sung các loại sách,

báo và tài liệu tham khảo cho thư viện từ nguồn ngân sách và vận động học sinh đóng góp sách [H3-3.6-01]; [H3-3.6-04].

Mức 2:

Từ năm học 2014 – 2015 đến nay, thư viện trường luôn được xếp loại thư viện đạt chuẩn trở lên [H3-3.6-05]; [H3-3.6-06].

Mức 3:

Từ năm học 2016 – 2017 đến nay, thư viện trường được xếp loại thư viện đạt tiên tiến [H3-3.6-06]. Tuy máy tính phục vụ cho công tác chuyên môn của nhân viên thư viện được kết nối Internet nhưng chưa trang bị hệ phần mềm quản lý thư viện.

2. Điểm mạnh

Thư viện trang bị đầy đủ các loại sách, báo, máy tính quản lý danh mục, cập nhật sách mới. Hoạt động của thư viện đi vào nề nếp góp phần xây dựng văn hóa đọc cho học sinh. Thư viện nhà trường đạt danh hiệu thư viện Tiên tiến trong 2 gần nhất.

3. Điểm yếu

Chưa trang bị hệ phần mềm quản lý thư viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 - 2023 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng sử dụng nguồn quỹ ngân sách để trang bị phần mềm quản lý thư viện đáp ứng việc tra cứu thông tin, quản lý thời gian mượn, trả sách thuận tiện, nhanh chóng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh:

Trường có khuôn viên riêng biệt, đảm bảo tốt về an ninh trật tự và cảnh quan môi trường. Sân chơi bằng phẳng đảm bảo an toàn cho học sinh vui chơi và tập thể dục.

Cơ sở vật chất của nhà trường đảm bảo cơ bản theo quy định. Các phòng học đảm bảo đúng quy cách; kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn ghế phù hợp theo

quy định. Trường có hệ thống nước sạch, nhà vệ sinh sạch sẽ, hệ thống thoát nước đảm bảo, thu gom và xử lý rác thải đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường.

Trường quan tâm đầu tư đúng mức trang thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường, có đủ đồ dùng dạy học tối thiểu đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thư viện trang bị đầy đủ các loại sách, báo, máy tính quản lý danh mục, cập nhật sách mới. Hoạt động của thư viện đi vào nề nếp góp phần xây dựng văn hóa đọc cho học sinh. Thư viện nhà trường đạt danh hiệu thư viện Tiên tiến trong 2 gần nhất.

Điểm yếu:

Nhà trường chưa đảm bảo diện tích bình quân tối thiểu 6 m²/học sinh. Trường chưa có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, phòng lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Một số giáo viên chưa khai thác triệt để và sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học. thư viện chưa trang bị hệ phần mềm quản lý thư viện

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là công tác then chốt, mang tính quyết định đến chất lượng giáo dục toàn diện. Chính vì vậy mà trong những năm qua, trường luôn đặc biệt quan tâm xây dựng mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên phối hợp các tổ chức, cha mẹ học sinh, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Nhà trường chủ động phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể ở địa phương dưới nhiều hình thức nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng môi trường giáo dục đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động giáo dục; không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục; nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời. Từ đó, trường đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có đầy đủ Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường và của từng lớp, được bầu ra vào đầu mỗi năm học [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học và Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh [H4-4.1-02].

- b) Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều xây dựng kế hoạch và chương trình hoạt động cụ thể trong năm học và được triển khai rộng rãi trong cha mẹ học sinh [H4-4.1-02].

- c) Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường tổ chức hoạt động theo kế hoạch đã đề ra: tổ chức họp Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường định kỳ. Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục;

hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã thực hiện tốt vai trò phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Bên cạnh đó, Ban đại diện cha mẹ học sinh còn hỗ trợ nhà trường trong việc hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến những chủ trương, chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh, huy động học sinh đến trường, tặng học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn vào đầu năm học và tết nguyên đán. Tham mưu với nhà trường về vận động các nguồn tài trợ để thực hiện công trình khen thưởng, thúc đẩy học sinh tích cực tham gia phong trào các cấp và hoạt động trải nghiệm trong nhà trường [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường, với chính quyền địa phương nhằm bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, tạo môi trường sự phạm lành mạnh; góp phần cùng với nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao theo quy định [H4-4.1-03].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường hoạt động tích cực, hiệu quả, trách nhiệm cao, thực hiện đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Nhà trường thực hiện tốt việc phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh; cha mẹ học sinh nhiệt tình, quan tâm sâu sát các hoạt động nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh do bận công tác nên chưa tham gia đầy đủ buổi họp của Ban đại diện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục thực hiện cơ chế phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh. Năm 2022 – 2023, để tổ chức các cuộc họp cha mẹ học sinh có hiệu quả, Hiệu trưởng chọn thời gian thích hợp để mọi thành viên trong Ban đại diện đều có thể tham dự cuộc họp đầy đủ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Bí thư chi bộ - hiệu trưởng nhà trường thường xuyên báo cáo về thực hiện nhiệm vụ năm học, biện pháp cụ thể để tổ chức các hoạt động như huy động học sinh ra lớp, công tác phổ cập giáo dục và các nội dung phối hợp khác nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tại đơn vị với Đảng ủy xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn [H1-1.3-03].

b) Nhà trường thường xuyên phối hợp Ban đại diện cha mẹ học sinh tuyên truyền, phổ biến đến tất cả cha mẹ học sinh Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 08 năm 2014, về Quy định đánh giá học sinh tiểu học và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 9 năm 2016 sửa đổi Quy định đánh giá học sinh tiểu học và các văn bản liên quan nhằm tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp và cách nhận xét, đánh giá, không cho điểm học sinh tiểu học. Bên cạnh đó, nhà trường còn tạo mọi điều kiện cho cha mẹ học sinh tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục của đơn vị. Sự phối hợp trên đã đem lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục học sinh [H4-4.1-04].

c) Thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa giáo dục, trường đã vận động cha mẹ học sinh tài trợ về cơ sở vật chất, tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học, đáp ứng nhu cầu học tập tích cực của học sinh. Bên cạnh đó, cha mẹ học sinh còn tài trợ kinh phí khen thưởng học sinh có thành tích xuất sắc trong các phong trào, hội thi và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật học hòa nhập. [H4-4.1-03]; [H4-4.1-05]. Tuy nhiên, việc huy động kinh phí tự nguyện nguồn tài từ các tổ chức, cá nhân cho hoạt động khen thưởng của học sinh chưa cao.

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc tạo điều kiện thực hiện nhiệm vụ. Cán bộ quản lý nhà trường luôn thực hiện việc xin ý kiến chỉ đạo và triển khai thực hiện các hoạt động đã được thông qua nhằm đảm bảo tính thống nhất [H1-1.3-03].

b) Nhà trường thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể thực hiện các chương trình, hoạt động chú trọng giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc thông qua các hình thức: hội thi văn nghệ, lễ giỗ Quốc Tổ Hùng Vương, ngày hội đọc sách, hội thi tìm hiểu lịch sử địa phương, truyền thống nhà trường... Ngoài ra, hằng năm nhà trường tổ chức cho học sinh thăm, thắp hương mộ và bàn thờ Mẹ Việt Nam Anh Hùng Nguyễn Thị Nuôi tại nhà riêng, tham quan di tích lịch sử Ngã Ba Giồng [H4-4.2-01].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền xã Thới Tam Thôn tổ chức các hoạt động Đoàn Đội, là điểm sinh hoạt hè tại địa phương; là một trong những nơi tổ chức các phong trào thể dục thể thao, các hội thi của ngành Giáo dục

góp phần xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-02].

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với cha mẹ học sinh, tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội, cá nhân khi thực hiện các hoạt động giáo dục huy động mọi nguồn lực có thể để xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục, tạo điều kiện để nhà trường thực hiện tốt công tác xã hội hóa. Ban đại diện Cha mẹ học sinh của từng lớp, của trường hoạt động tích cực, có hiệu quả; phối hợp chặt chẽ với nhà trường để nâng cao chất lượng giáo dục học sinh, chăm lo học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn

3. Điểm yếu

Việc huy động kinh phí tự nguyện nguồn tài từ các tổ chức, cá nhân cho hoạt động khen thưởng của học sinh chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, các lực lượng giáo dục trong và ngoài trường nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch cụ thể gửi đến từng cha mẹ học sinh nắm rõ chủ trương nhà trường để cha mẹ học sinh thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục để huy động mọi nguồn lực, nguồn kinh phí từ cha mẹ học sinh, các mạnh thường quân đóng góp để giúp đỡ cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng các em đạt thành tích tốt trong học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh:

Trong 5 năm qua, trường đã phối hợp có hiệu quả với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các tổ chức, đoàn thể ở địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch; huy động được các nguồn lực về tinh thần, vật chất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Điểm yếu:

Một số thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh do bận công tác nên thường vắng mặt trong một số cuộc họp của Ban đại diện.

Việc huy động kinh phí tự nguyện nguồn tài từ các tổ chức, cá nhân cho hoạt động khen thưởng của học sinh chưa cao.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/2

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Nhà trường nghiêm túc thực hiện đầy đủ theo chương trình và kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Các hoạt động giáo dục trên lớp luôn được quan tâm kết hợp với các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh phản ánh đúng mục tiêu giáo dục. Nhà trường tích cực tham gia thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi của địa phương, thường xuyên đổi mới các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục, đảm bảo 100% trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 và 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học. Trong 5 năm qua, hiệu suất đào tạo của đơn vị đạt được 99,4%.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Mức 2:

a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, trường căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn xây dựng kế hoạch giáo dục đơn vị đảm bảo đúng theo chương trình giáo dục phổ thông và các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục và phù hợp với tình hình thực tế []

b) Kế hoạch giáo dục của trường xây dựng đảm bảo giáo dục toàn diện học sinh, tạo điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục trên lớp và hoạt động ngoài giờ lên lớp; tăng cường đổi mới phương pháp, chú trọng sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực và ứng dụng công nghệ thông tin, bảng tương tác vào giảng dạy,...[];

c) Kế hoạch giáo dục của nhà trường đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn thẩm định và phê duyệt hằng năm []

Mức 2:

a) Trường thực hiện tốt việc cập nhật các văn bản chỉ đạo chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo để triển khai đến tổ khối và toàn thể giáo viên tiến hành điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giáo dục cho phù hợp với yêu cầu [H1-1.2-06]; [H1-1.4-05]; [H5-5.1-02];.

b) Nhà trường thực hiện việc niêm yết công khai nội dung, kế hoạch tại phòng truyền thông, phòng phó hiệu trưởng để giáo viên biết và cùng nhà trường thực hiện kế hoạch

[H5-5.1-03]. Tuy nhiên, một số kế hoạch giáo dục chưa công khai trên trang web của đơn vị để cha mẹ học sinh, cộng đồng biết, giám sát và cùng nhà trường thực hiện kế hoạch.

2. Điểm mạnh

Trường luôn bám sát chỉ đạo chuyên môn của cấp trên, cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo chuyên môn của các cấp quản lý giáo dục, xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo tốt mục tiêu giáo dục toàn diện, tạo điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện bản thân.

3. Điểm yếu

Một số kế hoạch giáo dục chưa công khai trên trang web của đơn vị để cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và cùng nhà trường thực hiện kế hoạch.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 - 2023, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng phụ trách công thông tin điện tử công khai các kế hoạch giáo dục, kế hoạch chuyên môn rộng rãi trên trang thông tin điện tử của đơn vị để cha mẹ học sinh, cộng đồng biết, giám sát và cùng nhà trường thực hiện tốt các mục tiêu kế hoạch đề ra.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức dạy đủ các môn theo chương trình quy định, đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức kỹ năng theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT Chương trình giáo dục phổ thông. Xây dựng thời khoá biểu đúng theo văn bản số 7312/BGDĐT-GDTH ngày 21 tháng 8 năm 2009 [H5-5.1-01].

b) Phó Hiệu trưởng chỉ đạo cho các tổ chuyên môn nghiên cứu chương trình, điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý, linh hoạt, đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện dạy học và thời gian thực tế của trường nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng học sinh, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực của học sinh [H1-1.4-04]; [H3-3.5-07]; [H1-1.4-05].

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 về đánh giá học sinh tiểu học. Tiếp tục xây dựng ma trận đề kiểm tra định kỳ, đảm bảo ra đề theo các mức độ quy định [H1-1.6-02]; [H5-5.2-01].

Tổ chức phát huy và thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

Mức 2:

a) Trường tổ chức triển khai các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học, chỉ đạo cho giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, đầu tư cho tiết dạy bằng việc lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh phù hợp đặc điểm tình hình lớp; chú ý đến từng đối tượng học sinh để đạt được kết quả giáo dục tốt nhất [H1-1.4-10]; [H3-3.5-07].

b) Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch, đề ra các biện pháp nhằm kịp thời phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu; chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm chú ý theo dõi, quan sát học sinh để phát hiện học sinh chậm tiếp thu kiến thức để thực hiện công tác phụ đạo kịp thời; thường xuyên trao đổi với cha mẹ học sinh về tình hình học tập của học sinh để có biện pháp giáo dục kịp thời giúp các em tiến bộ trong học tập [H1-1.5-06]; [H5-5.2-03].

Mức 3:

Hàng năm, trong sơ kết chuyên môn, sơ kết chuyên đề, trường thực hiện việc đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp để làm cơ sở cho việc điều chỉnh, bổ sung, thay đổi nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục. Qua đó, trường đã duy trì và nâng cao được chất lượng dạy và học của giáo viên, học sinh hàng năm [H1-1.4-07]; [H1-1.4-12]. Tuy nhiên, việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên chưa thể hiện rõ trong biên bản.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đúng chương trình, thời khoá biểu đủ, thực hiện điều chỉnh nội dung theo văn bản chỉ đạo và phù hợp với tình hình của lớp và tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, thời khóa biểu đảm bảo tính ổn định trong cả học kỳ, cả năm học.

3. Điểm yếu

Việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên chưa thể hiện rõ trong biên bản.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022-2023, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng sơ kết, tổng kết chuyên môn phải phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên và định hướng những giải pháp cụ thể góp phần nâng cao chất lượng Giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

a) Đảm bảo theo kế hoạch;

b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường đều lập kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh theo chủ điểm giáo dục đảm bảo theo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.8-02]; [H2-2.4-02].

b) Trường đã tổ chức các hoạt động giáo dục khác cho học sinh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với lứa tuổi học sinh và phù hợp với điều kiện nhà trường theo từng chủ điểm như: hội diễn văn nghệ; vẽ tranh; trải nghiệm; hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, tổ chức các ngày lễ hội Trung thu, lễ chào mừng ngày 20/11, lễ hội mừng Đảng, mừng xuân mới; tuyên truyền về sức khỏe, kỹ năng sống, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông, tham quan khu di tích lịch sử Ngã Ba Giồng, tìm hiểu lịch sử địa phương,

truyền thống nhà trường, ... giúp cho học sinh có dịp thể hiện năng khiếu, kiến thức, sự nhanh trí, tính tập thể, tính kỷ luật, rèn luyện thể lực, góp phần phát triển toàn diện học sinh [H1-1.8-02]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

c) Nhà trường xây dựng kế hoạch, chương trình và phân công, phân nhiệm cụ thể cho từng cá nhân, huy động toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và tất cả học sinh cùng tham gia thực hiện các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Riêng đối với một số hoạt động như vẽ tranh, văn nghệ chỉ dành riêng cho những học sinh năng khiếu [H1-1.8-02]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa phong phú, đa dạng phù hợp điều kiện của nhà trường tạo không khí phấn khởi sôi nổi thu hút 100% học sinh tham gia [H1-1.8-02]; [H5-5.3-02];

Mức 3:

Các hoạt động ngoài giờ lên lớp như hội thi kể chuyện theo sách, lễ Giỗ Tổ Hùng Vương, vẽ tranh, ngày hội đọc sách, hội thao, văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn, tham quan trải nghiệm ... được tổ chức phân hóa theo từng lứa tuổi, theo nhu cầu của học sinh. Một số hoạt động chưa đảm bảo 100% học sinh tham gia. Hoạt động tham quan trải nghiệm chỉ thu hút khoảng 65% học sinh tham gia *do phụ huynh chưa an tâm cho học sinh trải nghiệm* [H5-5.3.01]; [H5-5.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng kế hoạch ngoài giờ lên lớp, tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục khác với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh.

3. Điểm yếu

Một số hoạt động chưa đảm bảo 100% học sinh tham gia. Hoạt động tham quan trải nghiệm chỉ thu hút khoảng 65% học sinh tham gia *do phụ huynh chưa an tâm cho học sinh trải nghiệm cùng bạn bè*.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên Tổng phụ trách Đội, giáo viên chủ nhiệm làm tốt hơn công tác tuyên truyền trong cha mẹ học sinh ý nghĩa, tầm quan trọng của việc hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm ngoài trường để cha mẹ học sinh tạo điều kiện tốt cho các em tham gia; tổ chức các chuyến tham quan ngoại khóa ở địa điểm gần để giảm chi phí đóng góp cho phụ huynh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;
- c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường thực hiện tốt công tác phối hợp với ủy ban nhân dân xã Thới Tam Thôn, ủy ban nhân dân xã Trung Chánh, ủy ban nhân dân xã Bà Điểm trong việc thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, tuyên truyền vận động cha mẹ học sinh đưa con ra lớp Một. Nhà trường có xây dựng và thực hiện kế hoạch kế hoạch tuyển sinh hằng năm theo phân tuyến và chỉ đạo của ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn [H1-1.2-04].

b) Hàng năm, nhà trường kết hợp với chính quyền địa phương huy động, lập danh sách và tổ chức tiếp nhận 100% học sinh đúng độ tuổi trong địa bàn phân tuyến theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn vào lớp 1, thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” [H5-5.4-01].

c) Trường thực hiện công tác quản lý hồ sơ phổ cập theo đúng quy định. Văn thư cập nhật học sinh lớp một vào sổ đăng bộ vào đầu năm học kịp thời [H1-1.2-04]; [H1-1.5-01].

Mức 2:

Trong những năm qua, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của trường luôn đạt 100% [H1-1.2-04]. Hằng năm, vào đầu năm học, được sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ của cha mẹ học sinh đã chăm lo cho các em có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật được nhận học bổng nhân ngày khai giảng năm học mới tạo điều kiện cho các em vui đến lớp [H1-1.3-04]. Tuy nhiên, một số em có biểu hiện khó khăn trong học tập, chưa được gia đình phối hợp nhà trường quan tâm đúng mức.

Mức 3:

Nhà trường luôn thực hiện tốt việc duy trì tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của trường đạt 100% [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tham gia và thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; Huy động 100% trẻ 6 tuổi trong địa bàn ra lớp; tổ chức và thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường".

Cha mẹ học sinh phối hợp nhà trường quan tâm, chăm lo, tạo điều kiện tốt cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật được đến trường học tập.

3. Điểm yếu

Một số em có biểu hiện khó khăn trong học tập, chưa được gia đình quan tâm đúng mức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 – 2023 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy công tác xã hội hóa để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn đến trường.

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch phối hợp cha mẹ học sinh; chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tư vấn, vận động, tạo điều kiện cha mẹ học sinh có con khó khăn trong học tập đưa

các em khám ở các cơ sở y tế để điều chỉnh hành vi đối với những em tự kỷ, tăng động đến ủy ban nhân dân xã nơi các em cư trú xác nhận mức độ khuyết tật để các em được học theo chương trình hòa nhập phù hợp với sức khỏe học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hằng năm, trường có thống kê kết quả học tập và rèn luyện của học sinh sau mỗi học kỳ và cuối năm. Các số liệu thống kê đầy đủ, chính xác theo từng khối lớp và toàn trường theo đúng quy định. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,57% [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Trong những năm học qua, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học của nhà trường luôn đảm bảo 100% [H1-1.5-01]; [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

c) Trường không có trường hợp học sinh quá 12 tuổi đang theo học tại trường [H1-1.6-01].

Mức 2:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua đạt trên 99% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Bên cạnh đó, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo 100% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong những năm qua luôn đạt trên 99% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo 100% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu quả giáo dục của nhà trường luôn được giữ vững và ổn định. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 99%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt 100%.

3. Điểm yếu

Hằng năm vẫn còn khoảng 0,1% học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì và nâng cao kết quả học tập của học sinh các khối lớp.

Trong năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm phát huy hơn nữa việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và tăng cường các giải pháp nhằm giữ vững tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, nâng cao tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng và hiệu suất đào tạo của đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường xây dựng theo hướng dẫn chỉ đạo của lãnh đạo các cấp. Đảm bảo tốt mục tiêu giáo dục toàn diện, tạo điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện bản thân.

Nhà trường thực hiện đúng chương trình, thời khoá biểu đủ, thực hiện điều chỉnh nội dung theo văn bản chỉ đạo và phù hợp với tình hình của lớp và tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, thời khóa biểu đảm bảo tính ổn định trong cả học kỳ, năm học.

Nhà trường có xây dựng kế hoạch ngoài giờ lên lớp, tạo điều kiện cho học sinh phát triển toàn diện, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục khác với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; Huy động 100% trẻ 6 tuổi trong địa bàn ra lớp; tổ chức và thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường"; tích cực quan tâm, hỗ trợ, tạo điều kiện trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật được đến trường học tập.

Chất lượng giáo dục của nhà trường được duy trì, ổn định và nâng cao qua từng năm học.

Điểm yếu:

Việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên chưa thể hiện rõ trong biên bản.

Hoạt động tham quan trải nghiệm chỉ thu hút khoảng 65% học sinh tham gia *do phụ huynh chưa an tâm cho học sinh trải nghiệm cùng bạn bè.*

Hằng năm vẫn còn khoảng 0,1% học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/5

Phần III
KẾT LUẬN CHUNG

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ: 1

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt chuẩn quốc gia Mức độ:

Phần IV
PHỤ LỤC

BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường	Giai đoạn 2015-2020	Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.1-02]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.1-03]	Kế hoạch năm học	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.1-04]	Văn kiện Đại hội Chi bộ	Nhiệm kì 2020-2023	Bí thư chi bộ	
Tiêu chí 1.2	1	[H2-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2025	Số 0174/QĐ-GDĐT ngày 23/3/2021	Hiệu trưởng	
	2	[H2-1.2-02]	Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua- Khen thưởng	Năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	
	3	[H2-1.2-03]	Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn	Năm học Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	4	[H2-1.2-04]	Hồ sơ, biên bản họp của Hội đồng trường	Năm học Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.3	1	[H3-1.3-01]	Quyết định thành lập Chi bộ Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi	Số 50-QĐ/ĐU ngày 30/12/2015	Bí thư chi bộ	
	2	[H3-1.3-02]	Quyết định công nhận Ban Chấp hành Công đoàn	Nhiệm kì 2023-2028	Chủ tịch CĐCS	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	3	[H3-1.3-03]	Quyết định công nhận Ban Chấp hành Chi đoàn	Năm học 2020-2021	Bí thư chi đoàn	
	4	[H3-1.3-04]	Quyết định thành lập Ban Chỉ huy Liên đội	Năm học 2020-2021	Tổng phụ trách	
	5	[H3-1.3-05]	Quyết định thành lập Sao Nhi đồng	Năm học 2020-2021	Tổng phụ trách	
	6	[H3-1.3-06]	Quyết định thành lập Ban chấp hành Chi hội Khuyến học Trường Nguyễn Thị Nuôi	Năm học 2020-2021	Phó Hiệu trưởng	
	7	[H3-1.3-07]	Biên bản sinh hoạt Chi bộ	Năm học 2020-2021	Bí thư chi bộ	
	8	[H3-1.3-08]	Báo cáo tổng kết công tác Đảng và phương hướng nhiệm vụ hằng năm	Năm học 2020-2021	Bí thư chi bộ	
	9	[H3-1.3-09]	Kết quả đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng	Năm 2020	Bí thư chi bộ	
	10	[H3-1.3-10]	Hình ảnh hoạt động của Công đoàn	Năm học 2020-2021	Chủ tịch Công đoàn cơ sở	
	11	[H3-1.3-11]	Hình ảnh hoạt động của Chi đoàn, Liên đội	Năm học 2020-2021	Bí thư chi đoàn	
	12	[H3-1.3-12]	Quyết định công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của	Năm học 2020-2021	Tổng phụ trách Đội	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			Công đoàn cơ sở, Chi đoàn và Liên đội			
Tiêu chí 1.4	1	[H4-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng 1,2	Năm học 2020-2021	Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn,	
	2	[H4-1.4-02]	Quyết định phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	3	[H4-1.4-03]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và văn phòng	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	4	[H4-1.4-04]	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	5	[H4-1.4-05]	Kế hoạch hoạt động tháng, năm học của tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Năm học 2020-2021	Tổ trưởng chuyên môn, văn phòng	
	6	[H4-1.4-06]	Biên bản họp tổ chuyên môn	Năm học 2020-2021	Tổ trưởng chuyên môn	
	7	[H4-1.4-07]	Biên bản họp tổ văn phòng	Năm học 2020-2021	Tổ trưởng tổ văn phòng	
	8	[H4-1.4-08]	Sổ sử dụng thiết bị của giáo viên	Năm học 2020-2021	Giáo viên	
	9	[H4-1.4-09]	Hồ sơ Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	10	[H4-1.4-10]	Biên bản kiểm tra tài chính hằng năm	Năm học 2020-2021	Phòng Tài chính huyện Hóc Môn	
	11	[H4-1.4-11]	Hồ sơ đánh giá xếp loại công chức, viên chức hằng năm	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	12	[H4-1.4-12]	Biên bản kiểm tra hồ sơ học vụ của Phòng Giáo dục-Đào tạo	Năm học 2020-2021	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn	
	13	[H4-1.4-13]	Hồ sơ sinh hoạt chuyên đề, chuyên môn	Năm học 2020-2021	Phó hiệu trưởng chuyên môn	
	14	[H4-1.4-14]	Biên bản họp, báo cáo tổng kết hằng năm của Công đoàn, Chi đoàn, Đội	Năm học 2020-2021	CTCD, BTCĐ, TPTĐ	
Tiêu chí 1.5	1	[H5-1.5-01]	Sổ theo dõi chất lượng giáo dục	Năm học 2020-2021	Giáo viên	
	2	[H5-1.5-02]	Danh sách học sinh các lớp từng năm học	Năm học 2020-2021	Nhân viên văn thư	
	3	[H5-1.5-03]	Sổ chủ nhiệm giáo viên	Năm học 2020-2021	Giáo viên	
Tiêu chí 1.6	1	[H6-1.6-01]	Sổ đăng bộ	Năm học 2020-2021	Phó hiệu trưởng	
	2	[H6-1.6-02]	Học bạ	Năm học 2020-2021	Giáo viên	
	3	[H6-1.6-03]	Sổ nghị quyết họp Hội đồng giáo dục nhà trường	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	4	[H6-1.6-04]	Chương trình PMIS, trang web của nhà trường	Năm học 2020-2021	Phó hiệu trưởng, nhân viên văn thư	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	5	[H6-1.6-05]	Sổ thi đua, khen thưởng	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	6	[H6-1.6-06]	Sổ quản lý tài sản; Sổ theo dõi công cụ, dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng	Năm học 2020-2021	Nhân viên kế toán	
	7	[H6-1.6-07]	Sổ công văn đến	Năm học 2020-2021	Nhân viên văn thư	
	8	[H6-1.6-08]	Sổ công văn đi	Năm học 2020-2021	Nhân viên văn thư	
	9	[H6-1.6-09]	Biên bản kiểm tra tài chính	Năm học 2020-2021	Phòng Tài chính huyện Hóc Môn	
	10	[H6-1.6-10]	Hồ sơ Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	11	[H6-1.6-11]	Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân	Năm học 2020-2021	Ban Thanh tra nhân dân	
	12	[H6-1.6-12]	Báo cáo hoạt động của Công đoàn trường	Năm học 2020-2021	Ban Chấp hành Công đoàn	
	13	[H6-1.6-13]	Quyết định về xác lập quyền sở hữu của nhà nước	Năm học 2020-2021	Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	
	14	[H6-1.6-14]	Biên bản thanh lý tài sản	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	15	[H6-1.6-15]	Trang thông tin điện tử trường	Năm học 2020-2021	Phó hiệu trưởng	
Tiêu chí 1.7	1	[H7-1.7-01]	Hồ sơ hợp đồng, tuyển dụng viên chức	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	2	[H7-1.7-02]	Hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2020-2021	Nhân viên văn thư	
Tiêu chí 1.8	1	[H8-1.8-01]	Hồ sơ kiểm tra bộ phận	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	2	[H8-1.8-02]	Hồ sơ kiểm tra chuyên môn	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	3	[H8-1.8-03]	Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra nội bộ	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	4	[H8-1.8-04]	Bảng khen của Thành phố Hồ Chí Minh thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm	Năm học 2020-2021	Ủy ban Nhân dân Thành phố	
	5	[H8-1.8-05]	Giấy chứng nhận danh hiệu Tập thể lao động Xuất sắc	Năm học 2020-2021	Ủy ban Nhân dân Thành phố	
Tiêu chí 1.10	1	[H10-1.10-01]	Phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	Năm học 2020-2021	Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy huyện Hóc Môn	
	2	[H10-1.10-02]	Kế hoạch xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	3	[H10-1.10-03]	Kế hoạch tổ chức thực hiện việc đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	4	[H10-1.10-04]	Kế hoạch phòng, chống mại dâm, ma túy	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	5	[H10-1.10-05]	Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự tại trường tiểu học	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	6	[H10-1.10-06]	Quy chế phối hợp bảo đảm an ninh trật tự tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã Thới Tam Thôn	Năm học 2020-2021	Công an xã TTT, Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.1	1	[H11-2.1-01]	Hồ sơ của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	
	2	[H11-2.1-02]	Kết quả đánh giá, xếp loại Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng, PGD&ĐT	
	3	[H11-2.1-03]	Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân	Năm học 2020-2021	Ủy ban Nhân dân huyện, Thành phố	
	4	[H11-2.1-04]	Bảng Trung cấp lý luận Chính trị của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm học 2020-2021	rung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Hóc Môn	
	5	[H11-2.1-05]	Bảng Cử nhân Quản lý Giáo dục của hiệu trưởng và phó hiệu trưởng 1	Năm học 2020-2021	Trường Đại học Sài Gòn	
Tiêu chí 2.2	1	[H12-2.2-01]	Văn bản, chứng chỉ của giáo viên	Năm học 2020-2021	Cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo	
	2	[H12-2.2-02]	Bảng tổng hợp trình độ cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2020-2021	Phó hiệu trưởng	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	3	[H12-2.2-03]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn giáo viên	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.3	1	[H13-2.3-01]	Quyết định điều động viên chức làm công tác kế toán của Ủy ban Nhân dân huyện	Năm học 2020-2021	Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn	
	2	[H13-2.3-02]	Văn bằng, chứng chỉ của nhân viên	Năm học 2020-2021	Cơ quan quản lý Giáo dục và Đào tạo	
	3	[H13-2.3-03]	Hồ sơ đánh giá viên chức	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.4	1	[H14-2.4-01]	Thống kê phẩm chất, năng lực học sinh	Năm học 2020-2021	Phó hiệu trưởng	
Tiêu chí 3.1	1	[H15-3.1-01]	Bản đồ hiện trạng xây dựng.	Năm học 2020-2021	Ủy ban Nhân dân huyện Hóc Môn	
	2	[H15-3.1-02]	Hình ảnh tổng thể công trường, sân trường, sảnh trường	Năm học 2020-2021	Thực tế	
	3	[H15-3.1-03]	Hình ảnh tổng thể phòng học, phòng hành chính và các khu của nhà trường	Năm học 2020-2021	Thực tế	
Tiêu chí 3.2	1	[H16-3.2-01]	Hình ảnh thực tế phòng học và các phòng chức năng	Năm học 2020-2021	Thực tế	
Tiêu chí 3.4	1	[H18-3.4-01]	Hình ảnh các khu vực nhà vệ sinh của nhà trường	Năm học 2020-2021	Thực tế	
	2	[H18-3.4-02]	Hệ thống nước sạch, giấy xét nghiệm nước	Năm học 2020-2021	Trung tâm y tế Dự phòng Thành phố	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	3	[H18-3.4-03]	Hợp đồng thu gom rác thải, rác y tế	Năm học 2020-2021	Công ty Dịch vụ Công ích Thành phố	
Tiêu chí 3.5	1	[H19-3.5-01]	Hợp đồng và hóa đơn thanh toán tiền dịch vụ Internet	Năm học 2020-2021	Nhân viên kế toán	
	2	[H19-3.5-02]	Danh mục thiết bị dạy học của nhà trường	Năm học 2020-2021	Nhân viên thiết bị	
	3	[H19-3.5-03]	Biên bản kiểm kê thiết bị	Năm học 2020-2021	Nhân viên thiết bị	
	4	[H19-3.5-04]	Sổ lưu chứng từ mua đồ dùng dạy học	Năm học 2020-2021	Nhân viên thiết bị	
	5	[H19-3.5-05]	Kế hoạch hoạt động thiết bị	Năm học 2020-2021	Nhân viên thiết bị	
Tiêu chí 3.6	1	[H20-3.6-01]	Danh mục các loại sách, báo, tài liệu	Năm học 2020-2021	Nhân viên thư viện	
	2	[H20-3.6-02]	Sổ theo dõi việc cho mượn sách	Năm học 2020-2021	Nhân viên thư viện	
	3	[H20-3.6-03]	Danh mục sách báo, tài liệu được bổ sung cho thư viện hằng năm	Năm học 2020-2021	Nhân viên thư viện	
	4	[H20-3.6-04]	Hoá đơn mua sách báo hoặc phiếu xuất, nhập kho	Năm học 2020-2021	Nhân viên thư viện	
Tiêu chí 4.1	1	[H21-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	2	[H21-4.1-02]	Biên bản các cuộc họp cha mẹ học sinh	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 4.2	1	[H22-4.2-01]	Nghị quyết Chi bộ về công tác khuyến học	Năm học 2020-2021	Bí thư chi bộ	
	2	[H22-4.2-02]	Danh sách mạnh thường quân các lớp đóng góp quỹ Khuyến học	Năm học 2020-2021	Hội khuyến học	
	3	[H22-4.2-03]	Danh sách học sinh nghèo nhận quà, học sinh đạt thành tích được khen thưởng	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng-Tổng phụ trách	
Tiêu chí 5.1	1	[H23-5.1-01]	Kế hoạch hoạt động chuyên môn	Năm học 2020-2021	Phó hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.2	1	[H24-5.2-01]	Thời khóa biểu các lớp	Năm học 2020-2021	Phó hiệu trưởng	
	2	[H24-5.2-02]	Hệ thống quản lý giáo dục (cổng thông tin điện tử)	Năm học 2020-2021	Phó hiệu trưởng	
	3	[H24-5.2-03]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ của trường và tổ chuyên môn	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn	
Tiêu chí 5.3	1	[H25-5.3-01]	Kế hoạch tổ chức giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh	Năm học 2020-2021	Phó hiệu trưởng chuyên môn	
	2	[H25-5.3-02]	Kế hoạch giảng dạy kỹ năng sống của giáo viên	Năm học 2020-2021	Giáo viên	
	3	[H25-5.3-03]	Kế hoạch công tác chuyên môn	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
	4	[H25-5.3-04]	Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp của nhà trường	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	5	[H25-5.3-05]	Sổ dự giờ của giáo viên	Năm học 2020-2021	Giáo viên	
Tiêu chí 5.4	1	[H26-5.4-01]	Kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục tiểu học của nhà trường (kế hoạch năm học, kế hoạch tháng)	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
	2	[H26-5.4-02]	Hồ sơ tuyển sinh lớp 1	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.5	1	[H27-5.5-01]	Bảng thống kê kết quả đánh giá, xếp loại học sinh	Năm học 2020-2021	Phó Hiệu trưởng	
	2	[H27-5.5-02]	Hồ sơ xét duyệt học sinh lên lớp-kiểm tra lại-ở lại lớp, hoàn thành chương trình lớp học, chương trình tiểu học.	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng, tổ chuyên môn	